

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 450/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Đoan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật**, Ông **Lê Văn Hoan**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Duy Liệu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Chí D**, sinh năm: 1977.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 4, MN, TM, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Biệt thự HS, khu đô thị VR, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Chị **Phùng Thị N**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn TX, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N:**

Bà **Bùi Thị H** – Luật sư văn phòng luật sư HB – Thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 3, phố T, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N, bà H có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Chí D trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Phùng Thị N năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên chúng tôi đã tổ chức cưới hỏi và sống chung với nhau từ năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sống ở các quận Thanh Xuân, quận Hai Bà Trưng và quận Long Biên. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường, đến khoảng tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, chị N không tin tưởng cho rằng tôi ngoại tình, chị N đã bỏ về quê ở xã VT, huyện Ba Vì sinh sống. Tôi và chị N sống ly thân nhau từ tháng 4/2020 đến nay. Đến thời điểm này tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Phùng Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 07/8/2017 và Phạm Quỳnh H, sinh 14/01/2019. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, tôi nhận nuôi cháu Phạm Bảo N, giao cháu Phạm Quỳnh H cho chị N nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác nhận không có.

Chị Phùng Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Phạm Chí D ngày 19/12/2017 tại UBND phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên chúng tôi đã tổ chức cưới hỏi và sống chung với nhau từ ngày 26/4/2016. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sống ở phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Sau đó giữa năm 2017 vợ chồng mua biệt thự Hoa Sữa ở 833, Vinhomes, Riverside Long Biên, Hà Nội và về sống ở đây. Trong quá trình sống vợ chồng sống bình thường, đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh D ngoại tình, không chăm lo cho vợ con, có những lời lẽ xúc phạm tôi, bố mẹ tôi và gia đình họ hàng bên vợ. Tôi đã bỏ về nhà bố mẹ tôi ở từ tháng 6/2020, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên anh D xin ly hôn tôi đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 07/8/2017 và Phạm Quỳnh H, sinh 14/01/2019. Giải quyết ly hôn tôi xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, hiện nay tôi đang bán quần áo trên mạng, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Tôi có thể đảm bảo thời gian và điều kiện vật chất để nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác nhận không có.

* Tại phiên tòa hôm nay: Anh D xin vắng mặt, chị N đồng ý ly hôn với anh D và xin nhận nuôi hai con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung chị N xác nhận không có.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N trình bày quan điểm bảo vệ:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân (6/2020) đến nay chị N là người nuôi dưỡng hai con, anh D không quan tâm gì đến các con do vậy đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 07/8/2017 và Phạm Quỳnh H, sinh 14/01/2019 cho chị N nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D và chị N không có nợ chung.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:**

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 07/8/2017 cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Quỳnh H, sinh 14/01/2019 cho chị N nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành hoặc có yêu cầu thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D, chị N đến khi có yêu cầu mới.

- Về tài sản chung: Anh D khai không có, chị N có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị N.

- Về nợ chung: Anh D, chị N đều thừa nhận không có nên không xét.

- Về án phí: Anh Phạm Chí D phải chịu phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Chí D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Phùng Thị N, quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có hộ khẩu thường trú tại huyện Ba Vì. Theo quy định tại khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Anh D xin vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Chí D và chị Phùng Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày 19/12/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai anh chị không còn tin tưởng nhau, không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình. Hai anh chị đã sống ly thân nhau, cắt đứt quan hệ từ tháng 6/2020 đến nay, cả hai anh chị đều mong muốn ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D, chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Phạm Chí D và chị Phùng Thị N có hai con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 07/8/2017 và Phạm Quỳnh H, sinh 14/01/2019. Anh D xin nuôi cháu Phạm Bảo N, giao cháu Phạm Quỳnh H cho chị N nuôi dưỡng, chị N xin nuôi hai con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh D, chị N là chính đáng, từ khi vợ chồng sống ly thân, chị N là người nuôi dưỡng hai cháu Ngân và Hương, các cháu được chị N chăm sóc chu đáo. Do vậy để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị ảnh hưởng nên tiếp tục giao hai cháu Phạm Bảo N và Phạm Quỳnh H cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị N có yêu cầu mới. Sau khi ly hôn, anh D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh D khai không có, chị Phùng Thị N cho rằng giữa chị và anh D có tài sản chung là tổng số tiền 35.079.445.863 đồng (Ba mươi năm tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi năm nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng), chị N đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận yêu cầu của chị N, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị N theo quy định của pháp luật. Ngày 06/9/2022 chị N đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị N là tự nguyện, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của chị N.

[4] Về nợ chung: Anh D, chị N đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Chí D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả chị Phùng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 25, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, nộp án phí của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. **Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Chí D đối với chị Phùng Thị N.

- Cho anh Phạm Chí D được ly hôn với chị Phùng Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 07/8/2017 và Phạm Quỳnh H, sinh 14/01/2019 cho chị Phùng Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi hai cháu Ngân, Hương tròn 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác. Anh Phạm Chí D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Chí D đến khi chị Phùng Thị N có yêu cầu mới.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phùng Thị N.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Phạm Chí D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 20/01/2021 theo biên lai số AA/2012/ 00570.

- Hoàn trả chị Phùng Thị N số tiền tạm ứng án phí là 69.500.000 đồng (Sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 03/11/2021 theo biên lai số AA/2020/ 0059800.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Chí D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND phường TM.
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan